**Tiết 65. KHÁI QUÁT LỊCH SỬ TIẾNG VIỆT**

**Giao nhiệm vụ cho HS:**

**1/ Đọc SKG**

**2/ Xem và ghi bài học vào vở**

**3/ Ghi nhận thắc mắc(nếu có)**

**I. Lịch sử phát triển của tiếng Việt**

***1. Tiếng Việt trong thời kì dựng nước***

***a. Nguồn gốc tiếng Việt***

- Nguồn gốc bản địa: quá trình phát sinh, phát triển, tồn tại của tiếng Việt song hành với quá trình hình thành, phát triển, tồn tại của dân tộc Việt.

- Thuộc họ ngôn ngữ Nam Á.

***b. Quan hệ họ hàng của tiếng Việt***

-Tiếng Việt có nguồn gốc thuộc họ ngôn ngữ Nam Á, dòng Môn- Khơmer và có quan hệ gần gũi với tiếng Mường.

- Ngoài ra, tiếng Việt còn có quan hệ giao lưu tiếp xúc với ngôn ngữ Hán.

***2. Tiếng Việt trong thời kì Bắc thuộc và chống Bắc thuộc:***

- Tiếng Việt đã vay mượn rất nhiều từ ngữ Hán.

- Chiều hướng chủ đạo: Việt hóa về âm đọc, ý nghĩa và phạm vi sử dụng.

- Các cách thức vay mượn tiếng Hán:

+ Vay mượn trọn vẹn từ Hán, chỉ Việt hóa âm đọc, giữ nguyên ý nghĩa và kết cấu:

VD: tâm, tài, đức, mệnh,...

+ Rút gọn từ Hán:

VD: cử nhân ⭢ cử (cụ cử); tú tài ⭢ tú (cậu tú); ngư phủ, canh nông, tiều phu, mục đồng ⭢ ngư - tiều- canh - mục; ...

+ Đảo lại vị trí các yếu tố, đổi yếu tố (trong các từ ghép):

VD: Từ Hán - Từ Việt

*Thi nhân Nhà thơ*

*Văn nhân Nhà văn*

+ Đổi nghĩa hoặc thu hẹp hay mở rộng nghĩa của từ Hán:

VD: ***Thủ đoạn*** (Hán): cơ mưu, tài lược, công cụ, cách thức.

⭢ Tiếng Việt: Thủ đoạn- chỉ hành vi mờ ám, độc ác.

***Khúc chiết*** (Hán): khúc khuỷu, ngoằn ngoèo.

⭢ Tiếng Việt: diễn đạt gãy gọn, chặt chẽ.

***Đáo để*** (Hán): đến đáy, đến tận cùng (từ Hán).

⭢ Tiếng Việt: đanh đá, quá mức.

***3. Tiếng Việt dưới thời kì độc lập, tự chủ:***

- Việc tiếp xúc, ảnh hưởng, vay mượn từ ngữ Hán theo hướng Việt hóa làm cho tiếng Việt ngày càng thêm phong phú, tinh tế, uyển chuyển.

- Dựa vào văn tự Hán, người Việt đã sáng tạo ra chữ Nôm- thứ chữ ghi âm tiếng Việt vào thế kỉ XIII.

⭢ Ý nghĩa:

+ Khẳng định ý thức độc lập tự chủ của dân tộc ta.

+ Góp phần thúc đẩy sự phát triển văn hóa, văn học dân tộc.

***4. Tiếng Việt trong thời kì Pháp thuộc:***

- Chữ quốc ngữ trở nên thông dụng, tiếp nhận ảnh hưởng tích cực của ngôn ngữ, văn hóa phương Tây (chủ yếu là ngôn ngữ và văn hóa Pháp).

- Vai trò của chữ quốc ngữ: thúc đẩy sự hình thành và phát triển nền văn xuôi tiếng Việt hiện đại.

***5. Tiếng Việt từ sau cách mạng tháng Tám đến nay:***

- Chữ quốc ngữ trở thành hệ thống chữ viết quốc gia, ngày càng phong phú, chính xác, hoàn thiện hơn với việc xây dựng hệ thống các thuật ngữ khoa học.

- Các cách xây dựng thuật ngữ tiếng Việt:

+ Mượn của tiếng Hán:

VD: chính trị, quốc gia, độc lập, tự do,...

+ Phiên âm thuật ngữ khoa học của phương Tây:

VD: a-xit (acide), ba-dơ (bazo),...

+ Đặt thuật ngữ thuần Việt (dịch ý hoặc sao phỏng):

VD: Vùng trời (không phận),...

**II. Chữ viết của tiếng Việt:**

***1. Lịch sử phát triển chữ viết của tiếng Việt:***

- Theo truyền thuyết và dã sử: người Việt cổ có thứ chữ Viết trông như “đàn nòng nọc đang bơi”.

- Thế kỉ XIII: người Việt sáng tạo chữ Nôm trên cơ sở chữ Hán.

- Nửa đầu thế kỉ XVII: một số giáo sĩ phương Tây dựa vào bộ chữ cái La-tinh để xây dựng chữ quốc ngữ.

- Đến nay, chữ quốc ngữ phát triển hoàn thiện, trở thành ngôn ngữ quốc gia.

***2. Những ưu điểm và hạn chế của chữ quốc ngữ:***

***a. Ưu điểm:***

- Là loại chữ ghi âm (đọc sao viết vậy)⭢thuận lợi cho việc học tập, phổ cập văn hóa, nâng cao dân trí.

- Đơn giản, tiện lợi.

***b. Hạn chế:*** Xem SGK

**III/ Củng cố- Về nhà:**

- Đọc SGK, xem bài giảng

- Thực hành BT1/39